

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 01-4-2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;
2. Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân –Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HN ngày 16 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 370, tổ 8, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Kha Phú L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 132, tổ 44, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt (bà D, ông L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2020 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Bà và ông L tự quen biết, chung sống vào năm 2010, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Hiện tình cảm đối với nhau không còn, bà D yêu cầu ly hôn ông L.

Về con chung: Bà D khai trong thời gian chung sống với ông L có 03 con chung tên Kha Phú Thiện P, sinh ngày 07/3/2011, Kha Phú Phúc H, sinh ngày 01/3/2014 và Kha Phú Phúc Hậu Ph, sinh ngày 18/01/2016. Bà D yêu cầu được nuôi dạy 02 cháu tên H, Ph, ông L nuôi dạy cháu P, hai bên không phải cấp dưỡng qua lại.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có.

Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Kha Phú L trình bày: Ông và bà D tự quen biết tìm hiểu nhau chung sống với nhau vào năm 2010 tại phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc mà không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống gần đây giữa ông, bà phát sinh mâu thuẫn do không còn hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm nguyên nhân do kinh tế khó khăn, hiện không còn sống chung, bà D về nhà cha, mẹ ruột sống. Tình cảm đối với nhau không còn, ông chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D; thống nhất với lời khai bà D về con chung, tài sản, nợ chung.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc cho biết qua trích lục sổ bộ hộ tịch từ năm 2010 đến nay không tìm thấy tên bà D và ông L đăng ký kết hôn.

Biên bản ghi ý kiến ngày 13/3/2020 cháu Kha Phú Thiện P có nguyện vọng được sống với ông Kha Phú L.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn và bị đơn thống nhất về việc nuôi dạy con chung.

Tại phiên tòa,

Hội đồng xét xử công bố lời khai của bà D, ông L vắng mặt và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ

quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, thuộc trường hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà D và ông L tự tìm hiểu chung sống năm 2010 không đăng ký kết hôn. Đó đó căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị không công nhận bà D và ông L là vợ chồng.

Về con chung: Bà D và ông L xác định có 03 con chung và thống nhất ông L nuôi dạy cháu tên Kha Phú Thiện P, sinh ngày 07/3/2011; bà D nuôi dạy 02 cháu Kha Phú Phúc H, sinh ngày 01/3/2014 và Kha Phú Phúc Hậu Ph, sinh ngày 18/01/2016; các bên không phải cấp dưỡng qua lại nuôi con chung. Việc thỏa thuận nuôi con giữa các bên là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị công nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L, cả hai cùng cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D:

[3] Theo lời khai của bà D và ông L đều thống nhất, cả hai chung sống với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, vì vậy không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Lời khai của các đương sự phù hợp với kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam cho biết qua trích lục sổ bộ hộ tịch từ năm 2010 đến nay không tìm thấy tên bà D, ông L đăng ký kết hôn.

Với các căn cứ trên, xét không công nhận nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D và bị đơn ông Kha Phú L là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà D và ông L thống nhất ông L nuôi dạy cháu tên Kha Phú Thiện P, sinh ngày 07/3/2011; Bà D nuôi dạy 02 cháu Kha Phú Phúc H, sinh ngày 01/3/2014 và Kha Phú Phúc Hậu Ph, sinh ngày 18/01/2016; các bên không phải cấp dưỡng qua lại nuôi con chung. Việc thỏa thuận nuôi con giữa các bên là phù hợp với nguyện vọng của cháu P và quy định

tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Bà D, ông L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở hai bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D, ông L khai thông nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bà D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà D đã nộp.

Ông L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Không công nhận bà Nguyễn Thị Kim D và ông Kha Phú L là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim D được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Kha Phú Phúc H, sinh ngày 01/3/2014 và Kha Phú Phúc Hậu Ph, sinh ngày 18/01/2016; ông Kha Phú L nuôi dạy cháu Kha Phú Thiện P, sinh ngày 07/3/2011, các bên không phải cấp dưỡng qua lại nuôi con chung.

Các bên cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim D chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0003646 ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Ông Kha Phú L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, bà D, ông L có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi cư trú của đ/s.
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Bích Thủy